

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /2024/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hạn mức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hạn mức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 10 năm 2024 và thay thế các văn bản sau:

1. Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất có vườn, ao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

3. Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định hạn mức giao đất trồng, đất có mặt nước chưa sử dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH. STP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Cảnh Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Hạn mức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hạn mức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 141, khoản 5 Điều 176, khoản 3 Điều 177, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196 và khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai.
- Tổ chức, tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc; cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam; cộng đồng dân cư trong nước đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 3. Hạn mức giao đất nông nghiệp

- Hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 03 ha cho mỗi loại đất.
- Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm: 10 ha.
- Hạn mức giao đất rừng sản xuất là rừng trồng: 30 ha.
- Cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản thì tổng hạn mức giao đất 05 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm 05 ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất 25 ha.

Điều 4. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

- Hạn mức giao đất chưa sử dụng để trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 03 ha cho mỗi loại đất.
- Hạn mức giao đất chưa sử dụng để trồng cây lâu năm: 10 ha.
- Hạn mức giao đất chưa sử dụng để trồng rừng sản xuất: 30 ha.

Điều 5. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

1. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 45 ha cho mỗi loại đất.
2. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm: 150 ha.
3. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất rừng sản xuất là rừng trồng: 450 ha.

Điều 6. Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất

Ngoài các loại giấy tờ được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai thì giấy tờ khác về quyền sử dụng đất được lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất tạm thời do Hội đồng cấp giấy chứng nhận ruộng đất cấp.

Điều 7. Hạn mức công nhận đất ở theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 141 Luật Đất đai

1. Đất ở tại đô thị: 200 m².
2. Đất ở tại nông thôn: 300 m².

Điều 8. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân

1. Đất ở tại đô thị: 200 m².
2. Đất ở tại nông thôn: 300 m².

3. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp người có đất bị thu hồi được bồi thường bằng giao đất ở khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Điều 9. Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh

1. Hạn mức giao đất xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và công trình tôn giáo hợp pháp khác: Không quá 5.000m².

2. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh được Nhà nước cho phép hoạt động đang sử dụng đất cho hoạt động tôn giáo, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa được giao đất trước ngày Quy định này có hiệu lực thì diện tích giao đất theo hiện trạng đang sử dụng.

3. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh có nhu cầu sử dụng đất lớn hơn hạn mức giao đất tại khoản 1 Điều này thì căn cứ theo quỹ đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đã nộp hồ sơ hợp lệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất thì được áp dụng theo Quy định này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.